TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **37**/2026/DS-ST
Ngày: 21/5/2026
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lữ Quốc Toàn**
2. Ông **Nguyễn Văn Hiếu**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Vũ Thị Khánh Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai:* Bà **Phạm Thị Lý** - Kiểm sát viên

Vào ngày 21/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C1.

Địa chỉ trụ sở: Tầng B, Cao ốc S, số C T, phường S, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, Y - C, chức vụ: TGĐ

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Diệp Yến B, chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi Công nợ (Giấy ủy quyền số 01.2025/GUQ-COL do Tổng giám đốc Công ty C1 ký ngày 02 tháng 01 năm 2025).

Bà D yến B ủy quyền lại cho ông Trần Chí S tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 14/02/2025

- Bị đơn: Ông **Vũ Gia D1**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp H, xã X, Thành phố Đ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Tiểu M,** sinh năm 2003

Địa chỉ: Khu phố D, xã T, tỉnh Tây Ninh

(*Các đương sự vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty C1 (ông Trần Chí S) trình bày*:

Công ty C1 (Sau đây gọi tắt là “Công ty C2" hoặc "Công ty C1") là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức nă cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ông Vũ Gia D1 là khách hàng thuê tài chính của Công ty C1.

Do ông Vũ Gia D1 có nhu cầu và đề nghị Công ty C1 tài trợ tài chính nên hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số 1230100801 ngày 11/01/ (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê"). Theo đó, tài sản mà ông Vũ Gia D1 có thuê tài chính là: 01 Ô tô con, Hiệu: MG, 2022, Số loại: MG5 1.5L LUX, Biển số 60LD-042.80 (sau đây gọi tắt là “Tài sản thuê).

Cùng ngày 11/01/2023, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của ông Vũ Gia D1 theo Hợp đồng thuê, Công ty C1 có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Tiểu M. Theo đó, trường hợp ông Vũ Gia D1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê, bà Nguyễn Tiểu M cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay ông Vũ Gia D1.

Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty C1 đã ký hợp đồng mua bản số 1230100801-PC ngày 11/01/2023 để mua tài sản nêu trên từ Công ty Cổ phần M1 và cho chính ông Vũ Gia D1 thuê lại các tài sản này. Đây là hình thức cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật, ông Vũ Gia D1 đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản vào ngày 16/01/2023 để xác nhận về việc đã nghiệm thu tài sản.

Giá mua tài sản là 646.800.000.000 đồng Công ty C1 tài trợ 646.800.000.000 đồng. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 84 tháng, kể từ ngày 16/01/2023 đến ngày 10/01/2030.

Lãi suất thuê của Hợp đồng thuê từ kỳ đầu tiên đến kỳ thứ sáu là lãi suất cố định 10%, từ kỳ thứ 7 trở đi lãi suất thả nổi tỉnh theo Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC cộng biên độ 7,58%. Theo đó, Lãi suất thuê tạm tỉnh tại ngày bắt đầu thuê là 16%.

Hằng tháng, ông Vũ Gia D1 phải thanh toán cho Công ty C3 thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tỉnh trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty C2 đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi ông Vũ Gia D1 trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C1 vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 06 của Hợp đồng thuê, nếu ông Vũ Gia D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C1 đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tải sản thuê và yêu cầu ông Vũ Gia D1 bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, ông Vũ Gia D1 thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C1 đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với ông Vũ Gia D1 để yêu cầu thanh toán.

Ngày 12/12/2024, Công ty C1 đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, do ông Vũ Gia D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thuê. Theo đó yêu cầu ông Vũ

Gia D1 thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tỉnh đến ngày 12/12/2024 (ngày chấm dứt Hợp đồng) là 642.536.325 đồng (*Sáu trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng*).

Kể từ đó đến nay ông Vũ Gia D1 không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty C1. Đồng thời, ông Vũ Gia D1 cũng không bản giao tài sản thuê cho Công ty C2 (Tài sản thuê hiện tại đang do ông Vũ Gia D1 quản lý và sử dụng theo Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê ngày 16/01/2023).

Công ty C1 yêu cầu: Buộc ông Vũ Gia D1 thanh toán cho Công ty C1 số tiền thuê còn nợ (tạm tính đến ngày 24/03/2026) là 693.935.005 đồng (*Sáu trăm chín mươi ba triệu, chỉn trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm lẻ năm đồng*), trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 466.829.980 đồng, Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày làm đơn khởi kiện 17/02/2025 là 175.706.345 đồng; Nợ lãi quá hạn từ ngày 12/12/2024 đến 24/03/2026 là 51.398.680 đồng.

Buộc ông Vũ Gia D1 thanh toán cho Công ty C1 tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 25/03/2026 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp ông Vũ Gia D1 không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, buộc ông Vũ Gia D1 giao trả Tài sản thuê là 01 Ô tô con, Hiệu: MG, 2022, Số loại: MG5 1.5L LUX, Biển số 60LD-042.80 Cho Công ty C1 để thanh lý, cấn trừ vào số tiền thuê mà ông Vũ Gia D1 còn nợ.

Trường hợp ông Vũ Gia D1 không giao trả Tài sản thuê hoặc số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ, buộc bà Nguyễn Tiểu M có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Vũ Gia D1 có nghĩa vụ chịu các chi phí tố tụng liên quan. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

* Bị đơn ông Vũ Gia D1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tiểu M trình bày:

Bà có quen biết với ông Vũ Gia D1, bảo lãnh để mua xe trả góp của Công ty C1. Tuy nhiên, xe và hợp đồng đều do ông D1 trực tiếp sử dụng và quản lý, bà M không sử dụng xe. Do đó, bà M không liên quan và không có khả năng trả khoản vay này. Do ở xa, đi lại khó khăn nên bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 292, 299, 362, 303, 323, 335, 342, 362, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 210 Luật các tổ

chức tín dụng năm 2024, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Vũ Gia D1 phải trả cho Công ty C1 số tiền nợ gốc là 466.829.980 đồng và trả số tiền lãi suất theo quy định pháp luật; trường hợp ông Vũ Gia D1 không giao trả Tài sản thuê hoặc số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ thì bà Nguyễn Tiểu M có trách nhiệm liên đới với ông D1 thanh toán cho Công ty C1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Vũ Gia D1 thanh toán tiền vay theo hợp đồng thuê tài chính và các khoản lãi phát sinh nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. ông D1 có nơi cư trú tại xã X, thành phố Đ nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai

[2] Về tư cách tố tụng: Công ty C1 là nguyên đơn, ông D1 là bị đơn quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Bà Nguyễn Tiểu M là người bảo lãnh cho ông D1 trong hợp đồng thuê tài chính nên Tòa án đưa bà M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Công ty C1 và bà Nguyễn Tiểu M có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Vũ Gia D1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[4] Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty C1 đã cho ông Vũ Gia D1 thuê tài chính là 01 Ô tô con, Hiệu: MG, 2022, Số loại: MG5 1.5L LUX, Biển số 60LD-042.80 bằng Hợp đồng cho thuê tài chính số 1230100801 ngày 11/01/2023 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng thuê") và Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản vào ngày 16/01/2023.

Giá mua tài sản là 646.800.000.000 đồng Công ty C1 tài trợ 646.800.000.000 đồng. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 84 tháng, kể từ ngày 16/01/2023 đến ngày 10/01/2030.

Lãi suất thuê của Hợp đồng thuê từ kỳ đầu tiên đến kỷ thứ sáu là lãi suất cố định 10%, từ kỳ thứ 7 trở đi lãi suất thả nổi tỉnh theo Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC cộng biên độ 7,58%. Theo đó, Lãi suất thuê tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 16%.

Xét về Hợp đồng cho thuê tài chính số 1230100801 ngày 11/01/2023 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng thuê") và Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản vào ngày 16/01/2023 đều có chữ ký của ông Vũ Gia D1 và các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, ông Vũ Gia D1 thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C1 đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với ông Vũ Gia D1 để yêu cầu thanh toán. Ngày 12/12/2024, Công ty C1 đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, do ông Vũ Gia D1 vì phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thuê.

Tạm tính đến ngày 24/03/2026 ông D1 còn nợ Công ty C1 số tiền là 693.935.005 đồng (*S1 trăm chín mươi ba triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm lẻ năm đồng*) trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 466.829.980 đồng, Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày làm đơn khởi kiện 17/02/2025 là 175.706.345 đồng; Nợ lãi quá hạn từ ngày 12/12/2024 đến 24/03/2026 là 51.398.680 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D1 không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C1 nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.Việc Công ty C1 yêu cầu Tòa án buộc ông D1 phải trả số tiền nợ gốc là 466.829.980 đồng và lãi suất còn nợ nói trên là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản thuê và buộc bà Nguyễn Tiểu M có trách nhiệm liên đới thanh toán theo thư bảo lãnh cá nhân, nhận thấy:

[5.1] Trong Hợp đồng cho thuê tài chính số 1230100801 ngày 11/01/2023 có thỏa thuận là hàng tháng, ông Vũ Gia D1 phải thanh toán cho Công ty C3 thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi ông Vũ Gia D1 trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C1 vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 06 của Hợp đồng thuê, nếu ông Vũ Gia D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C1 đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu ông Vũ Gia D1 bồi thường thiệt hại (nếu có). Do đó trường hợp ông Vũ Gia D1 không thanh toán đầy đủ số tiền nợ thì Công ty C1 yêu cầu buộc ông Vũ Gia D1 giao trả Tài sản thuê là 01 Ô tô con, Hiệu: MG, 2022, Số loại: MG5 1.5L LUX, Biển số 60LD-042.80 Cho Công ty C1 để thanh lý, cấn trừ vào số tiền thuê mà ông Vũ Gia D1 còn nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

[5.2] Về trách nhiệm bảo lãnh của bà Nguyễn Tiểu M:

Theo quy định tại Điều 335 Bộ luật Dân sự thì:

"1. Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

2. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh."

Theo quy định tại khoản 2 Điều 336 thì: "Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, lãi trên số tiền chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Xét hợp đồng thuê tài sản ngày 11/01/2023, Công ty C1 có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Tiểu M. Theo đó, trường hợp ông Vũ Gia D1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê, bà Nguyễn Tiểu M cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay ông Vũ Gia D1. Bà M có ký tên vào thư bảo lãnh tuy nhiên hiện bà M không có khả năng chi trả cho khoản vay này nên đề nghị xác minh làm rõ trách nhiệm giữa các bên để đảm bảo quyền lợi cho bà M. Nhận thấy thư bảo lãnh là do bà M ký trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ nên bà M phải chịu nghĩa vụ phát sinh từ thư bảo lãnh mà bà M đã ký theo quy định tại Điều 335, khoản 2 Điều 336 và Điều 342 Bộ luật Dân sự.

[5.3] Về yêu cầu buộc bà Nguyễn Tiểu M có trách nhiệm liên đới cùng với ông Vũ Gia D1:

Theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự thì:

"1. Nghĩa vụ liên đới là nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ".

Xét hợp đồng thuê tài sản ngày 11/01/2023, Công ty C1 có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Tiểu M. Do đó bà M chỉ phải thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh như đã nhận định ở đoạn [5.2]. Do đó, Công ty C1 yêu cầu bà Nguyễn Tiểu M phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông Võ Gia D2 là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Công ty C1 đã nộp tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (gọi tắt là chi phí tố tụng). Yêu cầu khởi kiện của Công ty C1 được chấp nhận nên bị đơn ông Vũ Gia D1 phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng, do đó, ông Vũ Gia D1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền là 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng)*.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty C1 được chấp nhận, nên ông Vũ Gia D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán là: 31.757.400 đồng (*ba mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm đồng*).

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 357, Điều 418 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C1 đối với bị đơn là ông Vũ Gia D1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Vũ Gia D1 thanh toán cho Công ty C1 số tiền thuê còn nợ (tạm tính đến ngày 24/03/2026) là 693.935.005 đồng (*Sáu trăm chín mươi ba triệu, chỉn trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm lẻ năm đồng*) trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 466.829.980 đồng, Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày làm đơn khởi kiện 17/02/2025 là 175.706.345 đồng; Nợ lãi quá hạn từ ngày 12/12/2024 đến 24/03/2026 là 51.398.680 đồng.

Buộc ông Vũ Gia D1 thanh toán cho Công ty C1 tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 25/03/2026 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp ông Vũ Gia D1 không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, buộc ông Vũ Gia D1 giao trả Tài sản thuê là 01 Ô tô con, Hiệu: MG, 2022, Số loại: MG5 1.5L LUX, Biển số 60LD-042.80 Cho Công ty C1 để thanh lý, cấn trừ vào số tiền thuê mà ông Vũ Gia D1 còn nợ.

Trường hợp ông Vũ Gia D1 không giao trả Tài sản thuê hoặc số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ, buộc bà Nguyễn Tiểu M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 155, 156; 157; 163; 164; 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc ông Vũ Gia D1 phải trả cho Công ty C1 số tiền là 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: ông Vũ Gia D1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 31.757.400 đồng (*ba mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm đồng*).

Hoàn trả cho Công ty C1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.977.000 đồng (*mười bốn triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0026716 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc (Nay là Phòng Thi hành dân sự khu vực 6 - Đồng Nai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo: Công ty C1, ông Vũ Gia D1, bà Nguyễn Tiểu M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đồng Nai;
- VKSND khu vực 6 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ